

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2017/DS-PT
Ngày: 06-11-2017
V/v tranh chấp “Mở lối dẫn
nước cho việc tưới tiêu trong
canh tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy;**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt;**

Bà **Trần Thị Kim Em.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Thục** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Hà Ngọc Thu Trúc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 01 và 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp “Mở lối dẫn nước cho việc tưới tiêu trong canh tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2017/QĐPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1973; (có mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1966; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1962; (xin vắng mặt)

2. Anh **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1982; (có mặt)

3. Chị **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1981; (xin vắng mặt)

4. Anh **Huỳnh Nhựt K**, sinh năm 2002;

Người đại diện theo pháp luật của Huỳnh Nhựt K là anh Huỳnh Văn H.

Cùng nơi cư trú: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, Bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm:

**. Nguyên đơn, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T trình bày:* Gia đình của anh, chị có các thửa đất 844, tờ bản đồ 15, diện tích 710m²; thửa 869, tờ bản đồ 15, diện tích 990m²; thửa 200, diện tích 2.616m² và thửa 845, tờ bản đồ 15, diện tích 1.384m² cùng tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Các phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn D đại diện hộ đứng tên. Đất của anh D, chị T nằm giáp ranh với thửa đất 868, tờ bản đồ 15, diện tích 2.058m² của Bà Nguyễn Thị Đ. Trước đây, việc dẫn nước vào ruộng của anh, chị phải đi qua đất của bà Đ nên gặp nhiều khó khăn. Do đó, anh, chị đã thỏa thuận với bà Đ để mở 01 đường nước qua đất của bà Đ có chiều ngang 01m, chiều dài khoảng 59,23m, anh chị sẽ đổi phần đất của anh, chị cho bà Đ, bà Đ đã đồng ý nhưng khi anh, chị đào đường nước thì bà Đ không cho sử dụng và đã lấp lại. Vì vậy, anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết mở 01 đường nước có chiều ngang 01m qua đất của bà Đ để dẫn nước.

**. Bị đơn, Bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Anh D, chị T đã có đặt ống nước nằm dưới mặt ruộng của gia đình bà để vào ruộng, nay bà vẫn tiếp tục cho sử dụng đường ống này nên không đồng ý cho chị T, anh D mở đường nước qua đất của bà.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Huỳnh Văn Đ, anh Huỳnh Thanh H (anh H đồng thời là đại diện theo pháp luật của Huỳnh Nhựt K) thống nhất trình bày: Ông Đ, anh H không đồng ý cho anh D, chị T mở đường nước chiếm diện tích mặt ruộng mà đồng ý để anh D, chị T tiếp tục sử dụng đường ống nước đặt dưới mặt ruộng như trước đây.

- Chị Huỳnh Thị D không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 11-7-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm l khoản 4 Điều 95, Điều 171 Luật Đất đai; các điều 5, 245, 246, 253 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19-6-1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ và hộ Bà Nguyễn Thị Đ gồm Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị D, Huỳnh Nhựt K phải có nghĩa vụ đáp ứng cho anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T mở 01 lối dẫn nước có diện tích 63,2m² nằm trên thửa đất số 868, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 2.058m² tọa lạc tại ấp M, xã M, thị xã C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03053 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Bà Nguyễn Thị Đ ngày 16-11-2016. (có sơ đồ kèm theo)

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động từ việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với lối dẫn nước được mở trên thửa đất 868 của hộ Bà Nguyễn Thị Đ, ông Huỳnh Văn Đ.

2. Ghi nhận anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T tự nguyện bồi thường giá trị đất bị thiệt hại do mở lối dẫn nước cho các ông Huỳnh Văn Đ, Bà Nguyễn Thị Đ, chị Huỳnh Thị D, anh Huỳnh Thanh H, Huỳnh Nhựt K số tiền 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành tiền bồi thường, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*. Ngày 14-7-2017, bị đơn Nguyễn Thị Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý mở lối dẫn nước cho hộ anh D và chị T nhưng đồng ý để cho hộ anh D có lối dẫn đường vào ruộng bằng cách đặt ống bọng lưới lòng đất và trên mặt đất bà Đ vẫn sử dụng; Anh D, chị T không đồng ý mà yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm hoặc đặt ống bọng dẫn nước nhưng bà Đ không sử dụng trên bề mặt đất để bảo quản tốt đường ống nước.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp

luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng qui định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị gì. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ là không có căn cứ, tuy nhiên án sơ thẩm cho quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất của chị T, anh D đối với phần diện tích lối dẫn nước được mở là chưa phù hợp qui định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Đ, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bà Đ đồng ý để cho Nguyên đơn sử dụng ống nước đặt dưới phần diện tích đất của mình để dẫn nước tưới, tiêu vào diện tích đất lúa.

Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T hiện tại đang sử dụng các thửa đất trồng lúa với tổng diện tích là 5.700m², thuộc các thửa 844, 869, 200, 845, tọa lạc ấp M, xã M, thị xã C. Liền kề với các thửa ruộng trên của anh D, chị T là thửa đất lúa của Bà Nguyễn Thị Đ, thuộc thửa 868, diện tích 2.058m². Để sử dụng được các thửa đất lúa trên thì chị T và anh D chỉ có một đường thoát, dẫn nước duy nhất là qua phần đất lúa thuộc thửa 868 của bà Đ. Sự việc này các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận. Tại Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015 qui định “Người có quyền sử dụng đất canh tác khi có nhu cầu về tưới nước, tiêu nước, có quyền yêu cầu những người sử dụng đất xung quanh để cho mình một lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu; người được yêu cầu có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu đó, nếu người sử dụng lối dẫn nước gây thiệt hại cho người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường”. Do đó, yêu cầu của chị T và anh D xin được mở lối dẫn nước tưới, tiêu qua thửa đất 868 của bà Đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét đến diện tích phần lối dẫn nước được mở cũng như hình thức dẫn nước vào ruộng bằng cách đặt ống hay đào mương để làm sao cho thuận tiện và phù hợp nhất cho bên được mở và bên cho mở lối dẫn thoát nước. Xét thấy về cách thức đặt ống dẫn nước dưới lòng đất là thuận tiện hơn, bởi lẽ sẽ không làm thiệt hại năng suất lúa của bên phần đất của bà Đ. Vì nếu đào mương bên đất bà Đ để dẫn nước vào phần đất lúa của anh D,

chị T thì dẫn đến nước trên thửa ruộng 868 của bà Đ sẽ bị rút hết xuống ruộng gây mất nước và năng suất lúa không đạt làm thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của bà Đ. Như vậy, để chị T, anh D đặt ống tưới, tiêu nước trên thửa đất của bà Đ thì chỉ cần phần diện tích đất có số đo chiều ngang 0,5m là phù hợp (với số đo chiều ngang 01m là quá lớn), với chiều dài hết thửa đất 868 của bà Đ. Để bảo quản đường ống nước tưới, tiêu của chị T, anh D thì cần giao luôn toàn bộ diện tích đất được mở lối dẫn nước này cho anh D, chị T sử dụng làm lối dẫn, thoát nước, bà Đ không được sử dụng bề mặt ruộng phía trên. Vì nếu bà Đ sử dụng bề mặt đất phía trên làm lúa dẫn đến máy cày, máy gặt đập liên hợp chạy cán lên làm bể ống nước gây thiệt hại và việc bảo quản ống dẫn nước bên phía anh D, chị T rất khó khăn. Từ các cơ sở nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh D và chị T, buộc bà Đ mở lối dẫn nước trên thửa đất 868, có chiều ngang 0,5m; chiều dài hết thửa đất 868 từ giáp ranh đất ông Ánh đến đất anh D, chị T. Anh D, chị T chỉ được đặt ống nước trên phần diện tích đất nêu trên để dẫn nước tưới, tiêu vào phần diện tích đất 5.700m² hiện đang sử dụng trồng lúa của anh D, chị T.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo qui định tại Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì anh D, chị T phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất do mở lối dẫn nước với số tiền là $31,6\text{m}^2 \times 100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 3.160.000\text{đồng}$ cho bà Đ.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang một phần phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 245, 253, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ và hộ Bà Nguyễn Thị Đ gồm Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thị D, Huỳnh Nhựt K phải có nghĩa vụ đáp ứng cho anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T mở 01 lối dẫn nước có diện tích 31,6m² nằm trên thửa đất số 868, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 2.058m² tọa

lạc tại ấp M, xã M, thị xã C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03053 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Bà Nguyễn Thị Đ ngày 16-11-2016. Lối dẫn nước có tứ cận: Bắc giáp đất Nguyễn Thị Đ có số đo 63,31m; Nam giáp đất Trần Văn Bé Sáu có số đo 63,10m; Đông giáp đất Nguyễn Văn A có số đo 0,5m; Tây giáp đất Nguyễn Văn D có số đo 0,5m. Trên lối dẫn nước được mở, hộ anh D, chị T chỉ được đặt ống bọng để dẫn, thoát nước. (Có sơ đồ kèm theo)

2. Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất bị thiệt hại do mở lối dẫn nước cho các ông Huỳnh Văn Đ, Bà Nguyễn Thị Đ, chị Huỳnh Thị D, anh Huỳnh Thanh H, Huỳnh Nhựt K số tiền 3.160.000 đồng (*Ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Các bên thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0000503 ngày 13-01-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, nên phải nộp tiếp số tiền là 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0000947 ngày 14-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, nên đã nộp xong.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 11 năm 2017, có mặt anh D, chị T, bà Đ và anh H.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND thị xã Cai Lậy;
 - VKSND thị xã Cai Lậy;
 - CC THADS thị xã Cai Lậy;
 - Các đương sự;
 - Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Thị Thu Thúy